

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 424/2023/DS-PT
Ngày 19 –12– 2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung
Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2023/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc: Tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 276/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1963 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L1: Ông Lê Văn B, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Trần Hoàng Hạnh – Chi nhánh Bạc Liêu (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Châu Kim T1, sinh năm 1979 (Có mặt);

2. Ông Huỳnh Văn S1 , sinh năm 1977(Có mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Văn S1: Ông Nguyễn Văn N2, là Luật sư của Văn phòng Luật sư Ánh Sáng – thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện phú Tân, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C ..

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Phú Tân (Vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm 8, thị t, huyện P, tỉnh C ..

3. Bà Châu Kim Y1, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

4. Ông Châu Ngọc H1, sinh năm 1985(Vắng mặt);

5. Ông Châu Ngọc Tuyết, sinh năm 1984 (chết 15/6/2017);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Châu Ngọc Tuyết:

5.1. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984 (Có mặt);

5.2. Châu Kim C (Vắng mặt);

5.3. Châu Kim T5 (Vắng mặt);

5.4. Châu Kim L2 (Vắng mặt);

5.5. Châu Ngọc Y2 (Vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của Châu Kim C, Châu Kim T5, Châu Kim L2, Châu Ngọc Y2: Bà Nguyễn Thị T2.

6. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984 (Có mặt);

7. Châu Kim C (Vắng mặt);

8. Châu Kim T5 (Vắng mặt);

9. Châu Kim L2 (Vắng mặt);

10. Châu Ngọc Y2 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Châu Kim C, Châu Kim T5, Châu Kim L2, Châu Ngọc Y2: Bà Nguyễn Thị T2.

11 Bà Châu Thị Ng, sinh năm 1935 (Vắng mặt);

12.Ông Nguyễn Văn T6 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

13. Chị Châu Hồng G, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

14. Anh Châu Ngọc S, sinh năm 1987 (Vắng mặt);

15. Anh Châu Ngọc T7, sinh năm 1990 (Vắng mặt);

16. Chị Châu Ngọc H2, sinh năm 1992 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện P, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo:* Bà Châu Kim T1, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Nguyễn Thị L1 trình bày:

Vào năm 1981, ông Châu Ngọc Bẩm tặng cho ông Châu Ngọc Phụng và bà Nguyễn Thị L1 phần đất diện tích 09 công (tầm 03 mét), đất tọa lạc tại ấp Cái Nước, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Ông Phụng, bà L1 trực tiếp canh trên diện tích đất được tặng cho và có cất nhà ở trên đất. Đến năm 1984, ông Phụng và bà L1 có nhận chuyển nhượng đất ở ấp Tân Thành, xã Phú Tân nên dời về ấp Tân Thành ở nhưng ông Phụng, bà L1 vẫn canh tác phần đất được tặng cho. Đến năm 1998 ông Phụng chết, nên bà L1 để phần đất lại cho ông Châu Ngọc Anh (là anh ruột của ông Phụng) mượn canh tác. Đến năm 2001, bà L1 mới biết ông Châu Ngọc Anh được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (QSDĐ) năm 1996, trong đó có diện tích đất của bà L1 và ông Phụng. Ngày 23/5/2001, bà L1 có mời thân tộc họp làm giấy tờ để làm tin sau này, khi họp thân tộc có mời chính quyền đến dự và có lập biên bản. Tại cuộc họp, ông Châu Ngọc Anh thừa nhận đất của ông Phụng và bà L1 và giao lại cho bà L1 phần đất vị trí giáp đất ông Thiệm chiều ngang 09 tầm, chiều dài tới hậu và ông Châu Ngọc Anh có ký tên vào biên bản họp gia đình. Đến khoảng năm 2009, con của ông Châu Ngọc Anh là bà Châu Kim T1 và con rể là Huỳnh Văn S1, ông Châu Ngọc Tuyết và con dâu là Nguyễn Thị T2 cất nhà trên phần đất của ông Phụng và bà L1, bà L1 có ngăn cản nhưng các con ông Châu Ngọc Anh vẫn cất nhà ở. Hiện nay trên phần đất của bà L1 có thêm căn nhà của bà Châu Kim Y1 và ông Nguyễn Văn T6. Năm 2013, bà L1 có yêu cầu bà Châu Kim T1, ông Huỳnh Văn S1, ông Châu Ngọc Tuyết, bà Nguyễn Thị T2 di dời nhà trả lại đất cho bà L1 nhưng bà T1, ông S1, ông Tuyết, bà T2 không đồng ý. Do đó, bà L1 khởi kiện yêu cầu bà Châu Kim T1, ông Huỳnh Văn S1, bà Châu Kim Y1, ông Nguyễn Văn T6 di dời nhà trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.175m²; yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.019m².

- Theo bà Châu Kim T1 trình bày:

Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Châu Ngọc Bẩm tặng cho ông Châu Ngọc Anh là cha của bà T1. Năm 1996, ông Châu Ngọc Anh được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ diện tích 32.320m², đất tọa lạc tại ấp Cái Nước, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Năm 2005, ông Châu Ngọc Anh tặng cho lại chị em của bà T1, trong đó bà T1 được cho diện tích 7.175m², ông Châu Ngọc Tuyết và bà Nguyễn Thị T2 được cho diện 2.019m². Giấy chứng nhận QSDĐ ông Châu Ngọc Anh vẫn còn đứng tên. Ông Châu Ngọc Anh thế chấp Giấy chứng nhận QSDĐ để vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện Phú Tân. Đến năm 2019, bà T1 đã trả tiền cho Ngân hàng và nhận lại Giấy chứng nhận QSDĐ. Bà T1 không thừa nhận ngày 23/5/2001 ông Châu Ngọc Anh có họp thân tộc để phân chia đất cho bà L1 và không thừa nhận biên bản họp gia đình ngày 23/5/2001 bà L1 cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của ông Châu Ngọc Anh. Do phần đất tranh chấp bà được ông Châu Ngọc Anh tặng cho nên không đồng ý di dời nhà trả đất lại diện tích đất 7.175m² cho bà L1.

- Theo ông Huỳnh Văn S1 trình bày:

Ông S1 thống nhất trình bày của bà T1, không đồng ý di dời nhà trả đất lại diện tích đất 7.175m² cho bà L1.

- Theo bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Phần đất bà L1 đang tranh chấp là do bà được cha chồng là ông Châu Ngọc Anh tặng cho bà và ông Châu Ngọc Tuyết. Hiện nay ông Tuyết đã chết nên bà là người quản lý đất, bà không đồng ý trả lại diện tích đất 2.019m² cho bà L1

- Theo bà Châu Kim Y1 trình bày:

Năm 2017, bà Châu Kim T1 có cho vợ chồng bà Y1 và ông Nguyễn Văn T6 mượn 01 phần đất để cất nhà ở, phần đất bà ở là đất của bà T1 nên bà không đồng ý theo yêu cầu của bà L1.

- Theo ông Châu Ngọc H1 trình bày:

Ông H1 sống chung với ông Châu Ngọc Anh từ nhỏ đến lớn, ông được ông Châu Ngọc Anh cho phần đất giáp ranh với đất của ông Châu Ngọc Tuyết và bà Nguyễn Thị T2 không có tranh chấp với bà L1. Ông không có nghe ông Châu Ngọc Anh phân chia đất cho bà L1.

- Theo bà Châu Thị Ng trình bày:

Bà không có tham dự cuộc họp gia đình vào ngày 31/5/2001, bà không có ký tên vào biên bản họp gia đình. Ông Châu Ngọc Anh có chia đất cho bà L1 hay không bà không biết.

- Tại Công văn số 64/NHNo-PT ngày 05/12/2022 của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phú Tân trình bày:

Ông Huỳnh Văn S1 và bà Châu Kim T1 không có quan hệ vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phú Tân.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1. Buộc bà Châu Kim T1, ông Huỳnh Văn S1 trả cho bà L1 phần đất theo đo đạc thực tế 7.175m²; Buộc bà Nguyễn Thị T2 trả lại cho bà L1 diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.019m²; đất tọa lạc tại ấp Cái Nước, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Giao căn nhà của bà T1, ông S1 và cây trồng trên đất theo chứng thư thẩm giá cho bà L1 quản lý sử dụng; bà L1 có nghĩa vụ trả lại giá trị cho bà T1, ông S1 số tiền 146.290.565 đồng.

Giao căn nhà của bà Y1, ông T6 theo chứng thư thẩm giá cho bà L1 quản lý sử dụng; bà L1 có nghĩa vụ trả lại giá trị cho bà Y1, ông T6 số tiền 7.443.669 đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 18/7/2023, bà Châu Kim T1 có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Châu Kim T1 giữ nguyên kháng cáo.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Bà T1 không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Bì, bà L1 không có ý kiến tranh luận.

Luật sư Nuôi, ông S1 không có ý kiến tranh luận.

Bà T2 không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo bà Châu Kim T1, sửa bản án bản án sơ thẩm: Buộc bà T1, ông S1, bà T2 trả cho bà L1 giá trị của diện tích đất tranh chấp 9/194m² bằng 425.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của bà Châu Kim T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà Nguyễn Thị L1 khởi kiện yêu cầu bà T1 và ông Huỳnh Văn S1, bà Châu Kim Y1 và ông Nguyễn Văn T6 di dời nhà trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.175m²; Yêu cầu bà Nguyễn Thị T2 trả lại diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.019m²; đất tọa lạc tại ấp Cái Nước, xã Phú Tân, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

[2] Về nguồn gốc đất, bà L1 cho rằng năm 1981 ông Châu Ngọc Bầm (là cha chồng bà L1) tặng cho vợ chồng bà L1 và ông Châu Ngọc Phụng phần đất diện tích 09 công (tầm 03 mét). Ông Phụng, bà L1 trực tiếp canh trên diện tích đất được cho và có cất nhà để ở. Năm 1998 ông Phụng chết nên bà L1 cho ông Châu Ngọc Anh mượn canh tác. Năm 2001, bà L1 biết ông Ngọc Anh được cấp Giấy chứng quyền sử dụng đất năm 1996 trong đó có diện tích đất của bà L1. Ngày 23/5/2001 bà L1 mời thân tộc lại để làm giấy tờ để làm tin sau này. Tại cuộc họp ông Ngọc Anh thừa nhận đất của bà L1 và ông Phụng, ông Ngọc Anh đồng ý giao lại cho bà L1 phần đất vị trí giáp đất ông Thiệm chiều ngang 09 tầm, chiều dài tới hậu.

[3] Bà T1 cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của ông Bầm cho ông Ngọc Anh. Năm 2005 ông Ngọc Anh cho đất lại chị em của bà T1 trong đó bà T1 được cho diện tích 7.175m²; ông Châu Ngọc Tuyết và bà Nguyễn Thị T2 được cho 2.019m². Bà T1 không thừa nhận ngày 23/5/2001 ông Ngọc Anh có họp thân tộc để phân chia đất cho bà L1 và không thừa nhận biên bản họp gia đình ngày 23/5/2001 là chữ ký của ông Ngọc Anh. Bà T1, ông S1, bà T2 không đồng ý trả đất theo yêu cầu của bà L1.

[4] Qua các tài liệu chứng cứ thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Tại biên bản hòa giải ngày 20/10/2013 của ấp Cái Nước, bà T1 trình bày bà L1 có hứa cho bà T1 phân nửa phần đất, bây giờ bà T1 trả lại phân nửa là 4 tầm rười. Đồng thời, cũng tại biên bản hòa giải ngày 07/11/2013 của Ủy ban nhân

dân xã Phú Tân, bà T1 trình bày nếu phân chia phần đất làm hai với bà L1 thì bà đồng ý.

[4.2] Tại biên bản xác minh ngày 24/10/2014, ông Châu Hiểu Biết và bà Châu Thị Truyền trình bày: Ngày 23/5/2001, ông Châu Ngọc Anh có họp gia đình chia đất lại cho ông Châu Ngọc Phượng chồng bà L1 chiều ngang 09 tầm dài tới hậu.

[4.3] Tại biên bản xác minh ngày 15/7/2022, ông Nguyễn Văn Việt là người tham có tham gia cuộc họp gia đình ngày 23/5/2001 tại nhà ông Châu Ngọc Anh trình bày: Thời điểm năm 2001, ông Việt là Trưởng Công an ấp, ông Nguyễn Tiến Mãi là Trưởng ban nhân dân ấp ghi biên bản cuộc họp gia đình, nội dung cuộc họp đúng theo nội dung biên bản họp gia đình ngày 23/05/2001. Ông Việt cho biết lúc ông Bầm là cha của ông Châu Ngọc Anh còn sống có cho ông Châu Ngọc Phượng là chồng của bà Nguyễn Thị L1 phần đất có chiều ngang 9 tầm dài từ mặt tiền đến hậu, ông Phượng có trực tiếp canh tác, sau đó ông Phượng chết bà L1 có cho ông Châu Ngọc Anh mượn canh tác, đến năm 2001 ông Châu Ngọc Anh mời chính quyền địa phương và thân tộc lại để lập biên bản họp gia đình để chia đất, ông Việt xác định ông Bầm có chia cho ông Phượng, bà L1; chữ ký Anh trong biên bản họp gia đình là chữ ký của ông Châu Ngọc Anh.

[4.4] Tại bản kết luận giám định số 2087/Kl-KTHS ngày 28/4/2023 của Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chữ ký đứng tên Châu Ngọc Anh trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên Châu Ngọc Anh dùng làm mẫu so sánh trên các tài liệu ký hiệu từ M1 đến M5; từ M7 đến M9 là do cùng một người ký ra.

[4.5] Hơn nữa, tại biên bản làm việc với ông Châu Ngọc Anh ngày 28/5/2002 (trong vụ tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông Châu Ngọc Anh với ông Thiệm), ông Châu Ngọc Anh cũng xác định ông Bầm có cho ông Phượng phần đất ngang 18m, dài 9,5 công.

[5] Từ những chứng cứ trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L1 buộc bà Châu Kim T1, ông Huỳnh Văn S1; bà Châu Kim Y1, ông Nguyễn Văn T6 trả diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.175m^2 và buộc bà Nguyễn Thị T2 trả diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.019m^2 cho bà L1 là có căn cứ.

[6] Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bà L1, bà T1, ông S1, bà T2 thống nhất thỏa thuận với nhau bà T1, ông S1, bà T2 trả cho bà L1 giá trị của diện tích đất 9.194m^2 với số tiền bằng 425.000.000 đồng (tương đương giá trị 46.226 đồng/ m^2); xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, bà T1 và ông S1 phải trả cho bà L1 giá trị của diện tích đất $7.175\text{m}^2 \times 46.226 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 331.671.000$ đồng; bà T2 phải trả cho bà L1 giá trị của diện tích đất $2.019\text{m}^2 \times 46.226 \text{ đồng}/\text{m}^2 = 93.330.000$ đồng. Bà T1 và ông S1 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 7.175m^2 và bà T2 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất 2.019m^2 nêu trên.

[7] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo bà Châu Kim T1, sửa bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà là phù hợp.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm bà T1, ông S1, bà T2 phải chịu được điều chỉnh lại theo quy định. Án phí dân sự phúc thẩm bà T1 phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Châu Kim T1.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số:142/2023/DS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L1.

Buộc bà Châu Kim T1 và ông Huỳnh Văn S1 (trả cho bà Nguyễn Thị L1 giá trị của diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.175m² bằng 331.671.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị T2 trả lại cho bà Nguyễn Thị L1 giá trị của diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.019m² bằng 93.330.000 đồng.

Bà T1, ông S1 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế 7.175m² và bà T2 được tiếp tục quản lý sử dụng diện tích đất theo đo đạc thực tế 2.019m² nêu trên; đất tọa lạc tại Ấp C, xã P, huyện P, tỉnh C ..

(Có Bản trích đo địa chính kèm theo).

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau

- Chi phí tố tụng số tiền là 15.731.151 đồng. Bà Châu Kim T1 và ông Huỳnh Văn S1 phải chịu 12.276.594 đồng; bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 3.454.557 đồng. Do bà Nguyễn Thị L1 đã nộp toàn bộ số tiền 15.731.151 đồng, nên buộc bà T1 và ông S1 trả lại cho bà L1 số tiền 12.276.594 đồng; bà T2 phải trả lại cho bà L1 số tiền 3.454.557 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 không phải chịu án phí. Bà L1 đã dự nộp 230.000 đồng theo biên lai thu số 002265 ngày 21/3/2014 được nhận lại. Bà Châu Kim T1 và ông Huỳnh Văn S1 (phải chịu 16.583.500 đồng. Bà Nguyễn Thị T2 phải chịu 4.666.000 đồng. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Phú Tân không phải án phí. Ngân hàng đã dự nộp 10.278.500 đồng theo biên lai thu số 0007046 ngày 03/5/2018 được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Châu Kim T1 phải chịu 300.000 đồng. Ngày 18/7/2023, bà T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019084 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập